

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2020

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO¹

Tên ngành : **Tài chính - Ngân hàng**
Mã số : **7340201**
Trình độ đào tạo : **Đại học**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và đào tạo

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Lao động - Xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội tiền thân từ Trường Trung học Lao động - Tiền lương thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiền lương cho toàn miền Bắc. Năm 1991 Trường Trung học Lao động - Tiền lương hợp nhất với Trường Quản lý Cán bộ Thương binh - Xã hội lấy tên là Trường Cán bộ Lao động - Xã hội. Tháng 1/1997 Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. Ngày 31/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: University of Labor and Social Affairs

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ULSA

- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Địa chỉ đào tạo: Số 43 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Số 1018 đường Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh; Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, TX Sơn Tây, Hà Nội.

- Số điện thoại: 024. 35566176

Fax: 024.35566173

- Website: www.ulsa.edu.vn

Từ khi được thành lập đến nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở các bậc: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học. Trường đã từng bước hoàn chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

Đến năm 2020, Nhà trường đã có kinh nghiệm 15 năm đào tạo bậc đại học, quy mô đào tạo đại học của Trường vào khoảng 15.000 sinh viên. Hiện nay,

¹ Đề án đăng ký mở ngành được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://ulsa.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=2456>

Trường Đại học Lao động - Xã hội có 08 ngành đào tạo bậc đại học là Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tâm lý học; 04 ngành đào tạo bậc thạc sĩ là Quản trị nhân lực, Kế toán, Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh; 01 ngành đào tạo bậc tiến sĩ: Quản trị nhân lực. Trường có 11 khoa: Kế toán, Công tác xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Luật, Kỹ thuật chính hình, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục đại cương và Khoa Sau đại học, có 7 phòng chức năng và 02 tổ chức phục vụ đào tạo. Trường đã đào tạo được 11 khóa đại học, với trên 20.000 cử nhân đại học và hàng chục ngàn cử nhân cao đẳng đã tốt nghiệp ra trường. Nhìn chung, kết quả đào tạo của trường đạt chất lượng tốt, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đạt trên 90%. Sinh viên tốt nghiệp của trường được các tổ chức và các doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực làm việc.

Trường Đại học Lao động - Xã hội có trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo gần 400 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học như: Các sách về kế toán, tài chính-ngân hàng, kinh tế, kinh tế lao động, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học, các sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ năm 2005 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scholix hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa

Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động – Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Trong 59 năm qua trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

2. Sự cần thiết về việc mở ngành Tài chính - Ngân hàng

Trường Đại học Lao động - Xã hội là trường đại học hàng đầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 05/5/2016, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 565/QĐ-ĐHLĐXH phê duyệt quy hoạch phát triển Trường Đại học Lao động - Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Định hướng phát triển trong Quyết định nêu rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội cần phát triển đào tạo đa cấp trình độ, lĩnh vực, ngành nghề, hình thức. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng là cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển của Trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt.

Đối với Việt Nam, từ trước đến nay nền kinh tế vẫn dựa nhiều vào các ngành sử dụng lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên thiên nhiên, trình độ của người lao động nói riêng và của cả nền kinh tế nước ta nói chung còn thấp. Đây là một trong những thách thức lớn nhất trong cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN 4.0).

Cuộc CMCN 4.0 đang có tác động sâu rộng đến mọi ngành nghề và tài chính - ngân hàng cũng không nằm ngoài vòng ảnh hưởng của cuộc cách mạng này. Trong tương lai, hệ quả rõ ràng nhất bởi tác động của CMCN 4.0 đến lĩnh vực ngân hàng chính là các hệ thống ngân hàng truyền thống sẽ dần bị thay thế bởi các ngân hàng công nghệ hiện đại. Trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt khi Việt Nam đang trong thời kỳ của cuộc CMCN 4.0, vấn đề nguồn nhân lực được xem là khâu đột phá, phát triển nguồn nhân lực trở thành nền tảng phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Theo báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), nhu cầu đào tạo mới nhân lực ngành Tài chính ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam là trên 1,6 triệu người và đến năm 2020, tổng số nhân lực làm việc trong ngành Ngân hàng khoảng 300.000 người. Những thách thức lớn và hiện hữu của ngành Ngân hàng trước CMCN 4.0, là khan hiếm nguồn nhân lực chất lượng cao – yếu tố quyết định đến sự thành công và cạnh tranh về nguồn lực chất lượng cao là yếu tố làm nên sự thành công trong hội nhập (Jan Smit, Stephan Kreutzer, Carolin Moeller & Malin Carlberg, 2016).

Trong mấy năm gần đây, các ngân hàng mỗi năm đều đẩy mạnh tuyển dụng để đáp ứng nhu cầu phát triển của thực tế. Nếu như trong năm 2018, số lượng tuyển mới là hơn 20.000 nhân lực thì năm 2019, con số đó tiếp tục tăng. Ngân hàng Nam Á từng tuyển khoảng 1.000 nhân sự mới ở nhiều vị trí, ngân hàng Techcombank tập trung nhiều ở các bộ phận kinh doanh. Trên chuyên mục tuyển dụng của ngân hàng Vietcombank cũng đăng tuyển dụng hàng loạt vị trí như chuyên viên kinh doanh, thanh toán thẻ quản lý nợ, quản lý bán vùng, phát triển kinh doanh ngân hàng điện tử... Các ngân hàng khác như VPBank, VietinBank, Sacombank... cũng có nhu cầu tuyển dụng trong ở nhiều vị trí khác nhau, với số lượng mỗi ngân hàng từ hàng chục đến hàng trăm nhân viên.

Theo ông Nguyễn Minh Luân, Trưởng bộ phận tư vấn nhân sự Công ty tuyển dụng nhân sự cấp cao Harvey Nas, các ngân hàng hiện tại chủ yếu tuyển dụng các vị trí việc làm như nhân viên tín dụng, nhân viên kinh doanh sản phẩm thẻ các loại... “Đa phần tuyển thay thế những người đã nghỉ hưu hoặc rời khỏi ngân hàng. Một số thì tuyển bổ sung nguồn nhân lực thiếu hụt do mở rộng quy mô hoặc phát triển mạnh mẽ nào đó trong bối cảnh nền kinh tế hồi phục mạnh mẽ, nhất là sự tiếp tục bùng nổ của thương mại điện tử, người mua tăng mạnh, các doanh nghiệp đẩy mạnh bán hàng ưu đãi cho việc mua sắm bằng thẻ”, ông Luân cho biết. Các chuyên gia tuyển dụng nhìn nhận, công việc tại ngân hàng lâu nay vẫn hấp dẫn các lao động trẻ vì danh tiếng công việc, môi trường làm việc và thu nhập tốt.

Trong giai đoạn tới, nhiệm vụ của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là hết sức nặng nề. Yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo kịp thời những quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các nhóm đối tượng xã hội khác nhau, cũng như phải nhanh chóng đưa ra những chính sách, quyết định phù hợp với sự biến chuyển nhanh chóng của xã hội. Để chăm lo tốt nhất đời sống cho các nhóm đối tượng khác nhau thì một trong những vấn đề đặt ra với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là phải quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính công được cấp, cũng như cung cấp nguồn kinh phí ưu đãi cho các nhóm đối tượng thông qua ngân hàng chính sách xã hội. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phải có đội ngũ cán bộ đa dạng về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó có nghiệp vụ về tài chính - ngân hàng.

Hơn nữa, nhu cầu kiến thức, kỹ năng về tài chính - ngân hàng của đội ngũ cán bộ trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng có những khác biệt nhất định so với những ngành khác nên các trường đại học trong Ngành cũng cần thực hiện đào tạo cử nhân tài chính - ngân hàng.

Theo báo cáo ba công khai đăng trên Website của các trường đại học có đào tạo ngành tài chính - ngân hàng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp vào năm 2019 của các trường này rất cao, phần lớn đều đạt trên 90%

TT	Cơ sở đào tạo	Tỷ lệ SV có việc làm theo ngành đào tạo (%)	Ghi chú
1	Trường đại học Kinh tế quốc dân	93,52	
2	Đại học Ngoại thương	98,00	
3	Học viện tài chính	99,16	
4	Trường Đại học thương mại	100,00	
5	Trường Đại học Hà Nội	85,00	
6	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG	68,18	
7	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	94,00	Tỷ lệ SV có việc làm toàn trường
8	Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM	100,00	Nhóm ngành III
9	Đại học Ngân hàng - TP HCM	96,77	Nhóm ngành III
10	Trường đại học Tôn Đức Thắng TP HCM	100,00	
11	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP HCM	81,40	
12	Trường Đại học Công nghiệp TP HCM	91,36	
13	Trường Đại học Sài Gòn	98,68	
14	Trường Đại học Tài chính - Marketing	88,99	Nhóm ngành III

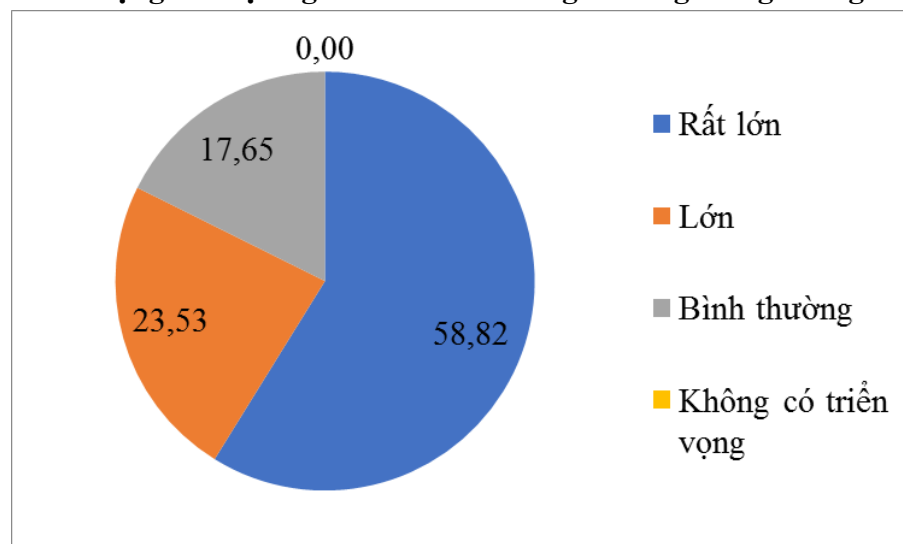
Nguồn: Thu thập từ báo cáo ba công khai đăng trên Website của các trường

Để phục vụ cho việc xây dựng đề án và chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã tiến hành khảo sát với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về nhu cầu và triển vọng Nhu cầu và triển vọng đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính - Ngân hàng. Kết quả điều tra, khảo sát cụ thể như sau:

Thứ nhất, 100% người được điều tra cho rằng cử nhân ngành tài chính - ngân hàng có vai trò rất quan trọng trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước từ sản xuất, thương mại, y tế, quản lý hành chính.

Thứ hai, mặc dù hiện nay đã có một số trường đại học đào tạo cử nhân ngành tài chính - ngân hàng nhưng quy mô đào tạo nhìn chung còn chưa đáp ứng được nhu cầu. Vì vậy triển vọng phát triển đào tạo ngành tài chính - ngân hàng trong thời gian tới là khá lớn.

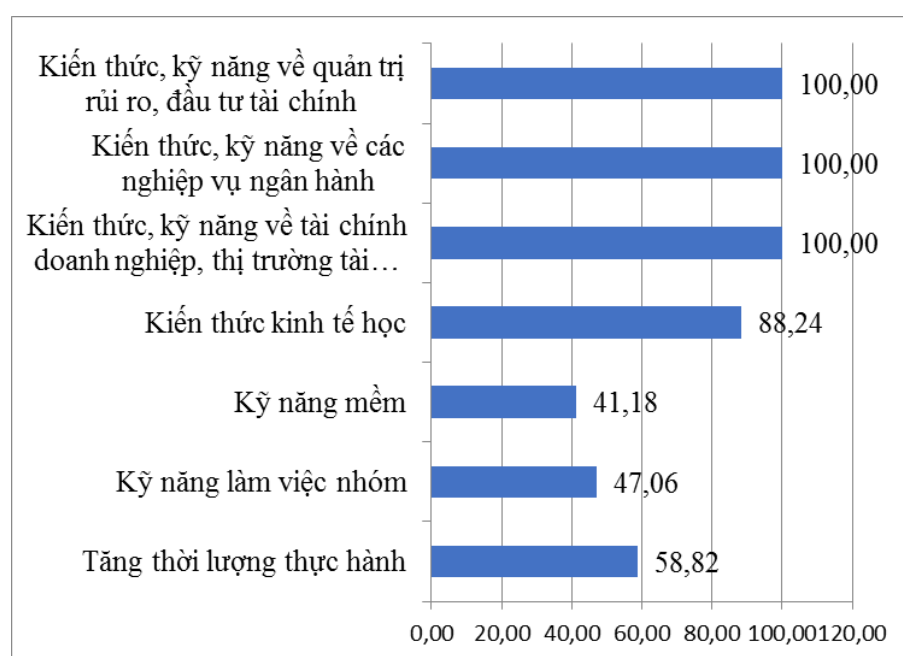
Triển vọng đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trong tương lai



Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra

Thứ ba, về nội dung chương trình đào tạo ngành tài chính - ngân hàng, 100% người được điều tra có ý kiến rằng chương trình cần có Kiến thức, kỹ năng về tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, Kiến thức, kỹ năng về các nghiệp vụ ngân hàng, Kiến thức, kỹ năng về quản trị rủi ro, đầu tư tài chính. Bên cạnh đó, nhân lực của ngành tài chính ngân hàng cũng cần được trang bị thêm kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng mềm

Các nội dung cần có trong chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng



Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra

Từ những phân tích trên, việc đẩy mạnh đào tạo ngành tài chính - ngân hàng trong thời đại công nghệ 4.0 là một đòi hỏi khách quan của thực tiễn. Nhu cầu và triển vọng phát triển của việc đào tạo ngành tài chính - ngân hàng trong tương lai là rất lớn. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo tài chính ngân hàng trình độ đại học là phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép, Trường đại học Lao động - Xã hội sẽ góp phần cung cấp nguồn nhân lực tài chính ngân hàng trình độ cao cho đất nước nói chung, cũng như cho ngành Lao động – Thương binh và Xã hội nói riêng.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

1. Năng lực của Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.1.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của ngành Tài chính - Ngân hàng.

Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có hơn 700 cán bộ, giảng viên; trong đó có trên 70% giảng viên có trình độ sau đại học và đang học sau đại học. Cụ thể, Trường có 01 Giáo sư, 04 phó giáo sư; gần 100 tiến sĩ; gần 100 người đang theo học nghiên cứu sinh; khoảng 450 người có trình độ thạc sĩ; số còn lại đang theo học thạc sĩ trong và ngoài nước.

Đối với ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường đã chuẩn bị đầy đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để thực hiện giảng dạy. Khoa Kế toán của Trường hiện có trên 60 giảng viên cơ hữu, trong đó có trên 90% có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên cơ hữu này là những người có kinh nghiệm giảng dạy và có chuyên ngành đào tạo phù hợp.

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở, Nhà trường đã bố trí 24 giảng viên có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tham gia giảng dạy đủ 100% các học phần thuộc khối chuyên ngành của ngành Tài chính - Ngân hàng, danh sách cụ thể tại Bảng 1.

Bảng 1. Danh sách giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của ngành Tài chính - Ngân hàng²

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước,	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
-----------	--	---	----------------------------------	------------------------------------

² Đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học cơ hữu chủ trì mở ngành đào tạo Tài chính - ngân hàng của Trường được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường tại đại chi <http://ulsa.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=2491>

		năm tốt nghiệp		
1	Vũ Thị Thanh Thủy , 1979, Trưởng Bộ môn Tài chính thuộc khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế	2003, Trường ĐH Lao động - Xã hội
2	Nguyễn Thị Kim Oanh , 1981, Phó trưởng Bộ môn Tài chính thuộc khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Kinh tế	2004, Trường ĐH Lao động - Xã hội
3	Lương Thị Huyền , 1982, Giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế (Tài chính - ngân hàng)	2006, Trường ĐH Lao động - Xã hội
4	Ngô Thị Minh , 1987, Giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh tế	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
5	Phạm Thị Huyền , 1980, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế (Tài chính. Lưu thông tiền tệ và tín dụng)	2014, Trường ĐH Lao động - Xã hội
6	Hoàng Thị Thu Trang , 1985, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Kinh tế (Kinh tế tài chính, ngân hàng)	2010, Trường ĐH Lao động - Xã hội
7	Cao Mai Quỳnh , 1987, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Tài chính ngân hàng	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
8	Mai Thị Nga , 1978, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế (Tài chính và ngân hàng)	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
9	Đặng Thị Thuỳ Giang , 1983, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
10	Nguyễn Thị Huyền Trang , 1986, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Australia, 2011	Kinh doanh (Tài chính và ngân hàng)	2014, Trường ĐH Lao động - Xã hội
11	Trần Anh Quang , 1987, Giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kế toán	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
12	Vũ Thuỳ Linh , 1982, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Kinh tế (Kinh tế tài chính, ngân hàng)	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
13	Lê Quang Trung , 1984, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản lý kinh tế	2009, Trường ĐH Lao động - Xã hội
14	Vũ Thị Thu Nga , 1986, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kế toán	2010, Trường ĐH Lao động - Xã hội

15	Nguyễn Thị Linh , 1986, Giảng viên khoa Kế toán	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh doanh và quản lý (Kế toán, kiểm toán và phân tích)	2010, Trường ĐH Lao động - Xã hội
16	Bùi Đỗ Phúc Quyên , 1983, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2012	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng	2006, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
17	Nguyễn Văn Đán , 1983, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	2007, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
18	Đặng Lê Thanh Bình , 1984, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2012	Tài chính - Ngân hàng	2007, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
19	Dương Thị Nhung , 1982, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2016	Tài chính - Ngân hàng	2008, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
20	Nguyễn Thị Diễm , 1982, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	2009, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
21	Hoàng Thị Hạnh , 1983, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	2009, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
22	Võ Cảnh Thịnh , 1978, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2014	Tài Chính - Ngân hàng	2011, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
23	Nguyễn Văn Quý , 1983, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2013	Tài Chính Ngân hàng	2012, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)
24	Bùi Hoàng Việt , 1988, Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2014	Tài chính - Ngân hàng	2016, Trường ĐH Lao động- Xã hội (CSII)

1.1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình phục vụ đào tạo

Trường Đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo: Trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo các môn chuyên ngành của ngành Tài chính - Ngân hàng, cụ thể như sau:

Bảng 2. Thống kê cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

STT	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học từ 50m ² -100m ²	55	5.510	Điều hòa	6	Các học phần lý thuyết thuần túy
				Amplify + loa +micro	60	
				Máy tính	51	
				Máy chiếu	40	
				Màn chiếu	40	
				Ti vi	11	
				Bảng	60	
				Bàn ghế giáo viên	60	
				Bàn ghế học sinh	2291	
				Quạt trần	222	
				Quạt treo tường	81	
				đồng hồ	60	
2	Phòng học từ 100m ² -200m ²	22	4.620	Điều hòa	2	Các học phần hỗn hợp lý thuyết và thực hành
				Amplify + loa +micro	21	
				Máy tính	21	
				Máy chiếu	20	
				Màn chiếu	20	
				Ti vi	1	
				Bảng	21	
				Bàn ghế giáo viên	21	
				Bàn ghế học sinh	1040	
				Quạt trần	153	
				Quạt treo tường	21	
				đồng hồ	21	
3	Hội trường E701	1	342	Điều hòa	5	Các hoạt động sinh hoạt chung như chỉnh huấn đầu khóa, đầu năm học...

Bảng 3. Thống kê trang thiết bị của phòng máy vi tính phục vụ giảng dạy, học tập của trường

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng máy tính E202.T2	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
2	Phòng máy tính E302.T3	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
3	Phòng máy tính E403	90	Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	44	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
4	Phòng máy tính E404A	90	Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	56	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
5	Phòng máy tính E404B	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	39	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
6	Phòng máy tính E501	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	54	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
7	Phòng máy tính E502	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	47	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			đồng hồ	1	
8	Phòng máy tính E503A	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	45	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
9	Phòng máy tính E503B	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	49	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo gần 400 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Tài liệu phục vụ ngành Tài chính - Ngân hàng gồm các giáo trình, bài giảng về Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học,... Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Bảng 4. Danh mục giáo trình các môn chuyên ngành của ngành Tài chính - Ngân hàng

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
-------	----------------	-------------	--------------	--------------	-------------------------------

1	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	KTQD	2012	Tài chính – tiền tệ
2	Nguyên lý kế toán	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010	Nguyên lý kế toán 1
3	Ngân hàng thương mại	Phan Thị Thu Hà	ĐH Kinh tế quốc dân	2013	Nhập môn ngân hàng thương mại
4	Thị trường tài chính	Nguyễn Văn Dòn, Nguyễn Minh Kiều	Phương Đông	2012	Thị trường tài chính
5	BG Kiểm soát nội bộ	Đào Mạnh Huy		2018	Kiểm soát nội bộ
6	Quản trị Tài chính doanh nghiệp	Khoa Kế toán	Tài chính	2011	Quản trị tài chính doanh nghiệp
7	Kế toán tài chính	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011	Kế toán tài chính 1
8	Quản trị tài chính đơn vị HCSN	Khoa Kế toán	Tài chính	2008	Quản trị tài chính ĐV HCSN
9	Tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	Thống Kê	2009	
10	Quản trị ngân hàng thương mại	Nguyễn Văn Tiến	Thống Kê	2012	
11	Quản trị tài chính	Eugen F.Brigham, Joel F.Houston	Đại học Florida		Quản trị tài chính doanh nghiệp 2
12	Thẩm định dự án đầu tư	Nguyễn Kim Anh	Dân Trí	2012	Thẩm định tài chính dự án đầu tư
13	Lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	KTQD	2013	Thẩm định tài chính dự án đầu tư
14	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Nguyễn Đăng Nam	Tài chính	2009	Phân tích đầu tư chứng khoán
15	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	KTQD	2012	Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ
16	Kế toán ngân hàng	Lê Việt Thủy và Trương Thị Hoài Linh	ĐH Kinh tế Quốc dân	2016	Kế toán ngân hàng
17	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	Nguyễn Văn Tiến	Thống kê	2005	Quản trị rủi ro tài chính

	ngân hàng				
18	E-Banking Management: Issues, Solutions and Strategies	Mahmood Shah & Steve Clarke	IGI Global	2009	Quản lý ngân hàng điện tử
19	Focus on Personal Finance.	Jack R. Kapoor, Les R. Dlabay, Robert J. Hughes		2018	Tài chính cá nhân
20	Quản trị dự án đầu tư	Phạm Xuân Giang	ĐH Quốc gia Thành phố HCM	2009	Quản trị danh mục đầu tư
21	Ngân hàng Phát triển	Phan Thị Thu Hà	Lao động xã hội	2005	Ngân hàng phát triển
22	Ngân hàng Thương mại	Phan Thị Thu Hà	ĐH Kinh tế Quốc dân	2013	Ngân hàng phát triển
23	Quản trị tài chính	Nguyễn Tấn Bình	Tổng hợp TP.HCM	2017	Định giá tài chính doanh nghiệp
24	Quản trị tài sản ngắn hạn	Nguyễn Tấn Bình	Thống kê	2007	Quản trị dòng tiền

Bảng 5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành Tài chính - Ngân hàng

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1.	Con số và sự kiện	TC Thống kê Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
2.	Tạp chí công thương	Bộ Công thương	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
3.	Đầu tư	Bộ KHĐT	2020	Thẩm định tài chính dự án đầu tư, Phân tích đầu tư chứng khoán
4.	Đầu tư bất động sản	Hiệp hội BĐS	2020	Thẩm định tài chính dự án đầu tư
5.	Đầu tư chứng khoán	Bộ KHĐT	2020	Phân tích đầu tư chứng khoán
6.	Diễn đàn doanh nghiệp	Phòng TM&CNVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
7.	Doanh nghiệp và thương mại	Bộ Công thương	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
8.	Kế toán và kiểm toán	Hội Kế toán và Kiểm toán VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
9.	Khoa học thương	ĐH Thương	2020	Các môn cơ sở và

	mai	mai		chuyên ngành
10.	Kinh doanh và pháp luật	Hội Marketing VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
11.	Kinh doanh và pháp luật cuối tuần	Hội Marketing VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
12.	Kinh tế châu á thái bình dương	Viện NC Kinh tế Châu á	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
13.	Kinh tế và dự báo	Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
14.	Kinh tế và phát triển	ĐH Kinh tế QĐ	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
15.	Kinh tế việt nam	Hội KH Kinh tế VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
16.	Kinh tế VN và thế giới	Viện KT Chính trị và TG	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
17.	Lao động và xã hội	Bộ LĐTBXH	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
18.	Tạp chí ngân hàng	Ngân hàng NN	2020	Các môn chuyên ngành
19.	Nghiên cứu ấn độ và Châu á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
20.	Nghiên cứu châu âu	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
21.	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
22.	Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
23.	Nghiên cứu Đông Nam á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
24.	Nghiên cứu kinh tế	Viện KH XHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
25.	Nghiên cứu tài chính kế toán	Học viện Tài chính	2020	Các môn chuyên ngành
26.	Nhà đầu tư	Hiệp hội DN Đầu tư nước ngoài	2020	Thẩm định tài chính dự án đầu tư, Phân tích đầu tư chứng khoán
27.	Những vấn đề kinh tế thế giới	Viện KT và CT thế giới	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
28.	Các vấn đề quốc tế	Học viện Ngoại giao	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
29.	Niên giám kinh tế	TC Thống kê	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
30.	Phát triển và hội nhập	Trường ĐH KT-TC TP HCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
31.	Quản lý nhà nước	HV CT-HC	2020	Các môn cơ sở và

		QG		chuyên ngành
32.	Tài chính doanh nghiệp	Hội TV Thuế VN	2020	Các môn chuyên ngành
33.	Tạp chí tài chính kỳ 1	Bộ Tài chính	2020	Các môn chuyên ngành
34.	Tạp chí tài chính kỳ 2	Bộ Tài chính	2020	Các môn chuyên ngành
35.	Thuế nhà nước	Bộ Tài chính	2020	Kế toán thuế
36.	Journal of economic development	ĐH KT TP HCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
37.	Việt nam Economic News	Bộ Công thương	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
38.	Vietnam investment review	Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
39.	Việt nam news	Thông tấn xã VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
40.	Việt nam Taxation		2020	Kế toán thuế
41.	Việt nam Studies	ĐH California	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
42.	Vietnam Business Forum -Series B (Song ngữ Việt - Anh)	Phòng TM và CN VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
43.	Vietnam Business Forum -Series E	Phòng TM và CN VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
44.	Việt nam Economic review	Viện KT và CT thế giới	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
45.	Việt nam economic time	Thời báo KTVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
46.	Việt nam Social economic development	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
47.	Việt Nam Social Sciences	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
48.	Kinh tế và quản lý	Học viện CTQG HCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
49.	Nghiên cứu kinh tế và Kinh Doanh Châu á	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
50.	Thị trường tài chính tiền tệ	Hiệp hội Ngân hàng VN	2020	Các môn chuyên ngành
51.	Thời báo ngân hàng	Ngân hàng NN	2020	Các môn chuyên ngành
52.	Thời báo tài chính	Bộ Tài chính	2020	Các môn chuyên ngành
53.	Thương gia và thị	Hiệp hội	2020	Các môn cơ sở và

	trường	Thương mại điện tử VN		chuyên ngành
--	--------	--------------------------	--	--------------

Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ: <http://www.uls.edu.vn/> được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, cũng như những thông tin khác cần công khai theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017(1).pdf)

2. Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

<http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bieu%20mau%20so%2018%20Cong%20khai%20TT%20CLDT%20thuc%20te%20DH%20LDXH%202018-2019.pdf>

3. Công khai cơ sở vật chất của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019\(2\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019(2).pdf)

4. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020(1).pdf)

5. Công khai tài chính của của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021(1).pdf)

1.1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Từ năm 2005 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện nghiên cứu 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Schopus hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu

hội thảo quốc tế. Hiện nay trường đang thực hiện 01 đề tài NCKH cấp nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc chuẩn bị nghiệm thu.

Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Bảng 6. Kết quả nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015-2019 của Trường Đại học Lao động - Xã hội

Số TT	Nội dung	Số lượng		Số lượng
		Tổng	Khoa KT	
1.	Đề tài	259	35	
	Đề tài cấp Nhà nước	01	0	Đã bảo vệ cấp cơ sở
	Đề tài cấp Bộ	25	0	
	Đề tài cấp Trường	233	35	
2.	Giáo trình, tài liệu	121	21	
3.	Bài đăng tạp chí	861	147	
	Bài đăng tạp chí trong nước	799	93	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (tổng)	62	37	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI)	23	17	
4.	Bài đăng kỷ yếu hội thảo	999	144	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước	861	112	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế	138	32	

Công tác NCKH của Khoa Kế toán cũng đã đạt được những kết quả rất tốt. Trong giai đoạn 2015-2019, đội ngũ giảng viên của khoa đã thực hiện 35 đề tài cấp Trường; biên soạn được 21 giáo trình, tài liệu; Viết 93 bài đăng trên các tạp chí trong nước, 37 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 17 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI; Khoa cũng đã có 112 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước và 32 bài viết được đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế.

Ngoài việc chủ trì thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng hợp tác với một số bộ ngành trong nước và các tổ chức quốc tế, các trường đại học nước ngoài để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học như hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách giảm nghèo cho lao động ngành thủy sản; hợp tác với UNICEF thực hiện các nghiên cứu về nghèo đói, HIV, lao động trẻ em...; hợp tác với đại học Regina của Canada, Yonsei của Hàn Quốc để thực hiện các nghiên cứu về Công tác xã hội, người Việt nam đi lao động ở nước ngoài... Trong những năm gần đây, Nhà trường đã phối hợp với một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Lai Châu để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và hội thảo khoa học cấp tỉnh/thành phố. Nhiều giảng viên của Trường đã và đang hợp tác với nhiều viện nghiên cứu, trường đại học ở khu vực miền bắc để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, nhiều giảng viên của trường, với tư cách cá nhân, đã và đang tham gia tư vấn cho các doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến tổ chức lao động, định mức lao động, xây dựng quy chế trả lương, an toàn - vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, ...

Về hoạt động hợp tác quốc tế: Trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin, ... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Các dự án về chuyển giao công nghệ điều trị nghiện chất phòng, chống HIV do Đại học California, Los Angeles (UCLA) tài trợ từ nguồn kinh phí của Cục quản lý dịch vụ điều trị nghiện chất và sức khỏe tâm thần (SAMHSA) và dự án Thúc đẩy hòa nhập của người khuyết tật do Tổ chức Caritas tài trợ. Các dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên về lĩnh vực hòa nhập cho người khuyết tật, điều trị nghiện ma túy, mở rộng mạng lưới và mối quan hệ hợp tác

giữa Trường với các cơ sở cai nghiện trong nước và các viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước trong lĩnh vực điều trị nghiện ma túy.

2. Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng

2.1. Thông tin chung.

Tên chương trình : Tài chính - Ngân Hàng

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 7340201

Loại hình đào tạo : Chính qui

Thời gian đào tạo : 4 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (chưa tính các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, an ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, an ninh): 31 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc : 29 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn : 02 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc : 80 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn : 10 tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Qui trình tuyển sinh và điều kiện tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Quy mô tuyển sinh dự kiến:

- Năm 2020: 100 sinh viên

- Năm 2021: 150 sinh viên

- Năm 2020: 200 sinh viên

2.2. Chương trình đào tạo.

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				
Các học phần bắt buộc				
THML0723H	Triết học Mác-Lênin	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/30/75	
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
LSUD0722H	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...	30/0/60	
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...	45/0/90	
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.		
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ		

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.		
TCC11122L	Toán cao cấp 1	Các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.	30/0/60	
TCC21122L	Toán cao cấp 2	Các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.	30/0/60	
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.	45/0/90	
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.	30/0/60	
	Giáo dục thể chất	Chương trình gồm 03 học phần với 01 học phần bắt buộc và 02 học phần tự chọn thực hiện theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày	0/90/45	Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLDX

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học		H ngày 14/7/2017
	Giáo dục quốc phòng và An ninh	Chương trình gồm 04 học phần thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học	90/75/217	Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐX H ngày 25/5/2018
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)				
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.	30/0/60	
NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học	30/0/60	
LOGI0722L	Logic học	Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.	30/0/60	
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	Tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí	30/0/60	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.		
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành				
ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.	45/0/90	
ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...	45/0/90	
NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.	30/0/60	
LKTE1022H	Luật kinh tế	Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	30/0/60	
MARC0522H	Marketing căn bản	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng	30/0/60	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.		
2.2. Kiến thức cơ sở ngành				
<i>Các học phần bắt buộc</i>				
TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại		
NLK10122H	Nguyên lý Kế toán 1	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.	30/0/60	
NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng TM	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và toàn diện về hoạt động của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế thị trường. Học phần đề cập về vị trí vai trò của ngân hàng thương mại trong hệ thống tài chính và nội dung khái quát về các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng thương mại, cụ thể là nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ đầu tư tài chính và các nghiệp vụ khác.	45/0/90	
TTTC0123L	Thị trường tài chính	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về hệ thống tài chính và thị trường tài chính, công	45/0/90	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		cụ trên thị trường tài chính, giải thích các yếu tố tác động đến giá cả của các công cụ tài chính, nghiệp vụ cơ bản của định chế tài chính, kiến thức tài chính – ngân hàng trong nền kinh tế.		
KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	Cơ sở, quá trình hình thành hoạt động kinh tế quốc tế; Hệ thống những lý thuyết về thương mại quốc tế, di chuyển các nguồn lực quốc tế, cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết và hội nhập quốc tế; Các hoạt động kinh tế quốc tế của Việt Nam.	30/0/45	
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 HP)				
KTLU1122H	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.	30/0/60	
VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.	30/0/60	
KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp	30/0/60	
KSNB0122H	Kiểm soát nội	Tổng quan về kiểm soát nội bộ;	30/0/60	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
	bộ	Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp		
2.3. Kiến thức ngành				
<i>Các học phần bắt buộc</i>				
TDN10123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp	45/0/90	
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của kế toán tài chính: vai trò của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán, quy định về lập, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sử dụng tài khoản và mở sổ kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.	45/0/90	
TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Những vấn đề chung của kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp; Kế toán vật tư; Kế toán tài sản cố định; Kế toán thanh toán; Kế toán tài sản bằng tiền	45/0/90	
TCQT0123L	Tài chính quốc tế	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về tài chính quốc tế, thị trường tài chính quốc tế và thị trường ngoại hối,	45/0/90	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		thanh toán quốc tế, đầu tư quốc tế và tín dụng quốc tế, tài trợ quốc tế của chính phủ, thuế quan và liên minh thuế quan.		
QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về ngân hàng thương mại và quản trị ngân hàng thương mại (NHTM). Người học được trang bị các phương pháp quản trị hoạt động kinh doanh ở các ngân hàng thương mại, từ đó liên hệ với công tác quản trị hoạt động kinh doanh ở các ngân hàng thương mại Việt Nam.	45/0/90	
TANH0623L	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	Trang bị các thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng như nghiệp vụ ngân hàng, tài chính cho hoạt động ngoại thương, tài khoản và báo cáo tài chính, cổ phiếu và chứng khoán, sáp nhập và chia tách và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh	45/0/90	
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời	45/0/90	
TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính, giúp người học có thể lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính ở tầm chiến lược. Theo cách tiếp cận này, các quyết định tài chính phải được xem xét dựa trên chiến lược công ty và môi trường tài chính nhằm tối đa giá trị của chủ sở hữu. Các chủ đề của học phần bao gồm: giá trị doanh nghiệp; đầu tư tài sản dài hạn; cấu trúc vốn; chính sách cổ tức; kế hoạch và dự báo tài	45/0/90	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		chính; tái cấu trúc doanh nghiệp. Học phần kết hợp cả nội dung lý thuyết và thảo luận giải quyết các tình huống cụ thể		
TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động thẩm định tài chính của một dự án đầu tư với các nội dung chủ yếu là: nguyên tắc và cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư; cách xác định giá trị thời gian của tiền bao gồm giá trị tương lai, giá trị hiện tại,... các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, chẳng hạn giá trị hiện tại ròng, tỷ suất hoàn vốn nội bộ,... nguyên tắc và phương pháp xác định lãi suất chiết khấu, đo lường và đánh giá rủi ro dự án đầu tư	30/0/60	
ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn cũng như kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích và đầu tư chứng khoán. Học phần này đề cập đến lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, phân tích và định giá chứng khoán, thiết lập danh mục đầu tư chứng khoán.	30/0/60	
NHTW0122L	Ngân hàng TW và chính sách tiền tệ	Học phần cung cấp 4 nội dung chính: Tổng quan các vấn đề về NHTW bao gồm khái niệm, vai trò, mục tiêu và các mô hình của NHTW. Các nghiệp vụ cơ bản của NHTW như: Phát hành tiền, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán, ngoại hối. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về chính sách tiền tệ. Các công cụ để thực thi chính sách tiền tệ như: Công cụ lãi suất, tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc...	30/0/60	
THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về các nghiệp vụ tài chính và ngân hàng: lập, phân tích báo cáo tài chính;	45/0/90	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		thẩm định tài chính trong lĩnh vực đầu tư; hỗ trợ ra quyết định tài chính; giao dịch thanh toán cho khách hàng, kinh doanh chênh lệch giá, cấp tín dụng cho khách hàng...		
KTNH0122L	Kế toán Ngân hàng	Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại như đặc trưng kế toán NHTM, hệ thống tài khoản và chứng từ. Bên cạnh đó là quy trình kế toán các hoạt động kinh doanh của NHTM như: Huy động vốn, thanh toán, cho vay... của NHTM.	30/0/60	
RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về rủi ro tài chính, cách đo lường rủi ro tài chính, mô hình đo lường rủi ro và quá trình quản trị rủi ro tài chính, các biện pháp quản trị rủi ro lãi suất, tín dụng, tỷ giá và thanh khoản. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến các công cụ quản trị rủi ro đó là các công cụ tài chính phái sinh.	45/0/90	
QLNH0122L	Quản lý ngân hàng điện tử	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạt động ngân hàng điện tử và quản lý ngân hàng điện tử, như: Giới thiệu chung về ngân hàng điện tử, các công nghệ sử dụng trong ngân hàng điện tử, các dịch vụ ngân hàng điện tử. Học phần cũng đưa ra một số hoạt động về quản trị ngân hàng điện tử, quản trị rủi ro ngân hàng điện tử cũng sẽ được giới thiệu trong học phần này.	30/0/60	
KTQT0123H	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định; Hình thái chi	45/0/90	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		phí		
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán phân phối lợi nhuận; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình bày báo cáo tài chính.	45/0/90	
Các học phần tự chọn				
<i>Chọn 2 trong 6 HP</i>				
TCCN0123L	Tài chính cá nhân	Học phần cung cấp các kiến thức bao quanh vấn đề tài chính của mỗi cá nhân và hộ gia đình như: lập kế hoạch tài chính trong ngắn, trung và dài hạn; xây dựng ngân sách chi tiêu, xây dựng và quản lý dòng tiền cá nhân, thiết lập báo cáo tài chính cá nhân và danh mục đầu tư tài sản để bảo đảm mỗi cá nhân và hộ gia đình không gặp vấn đề thanh khoản và đạt được các mục tiêu trong cuộc sống.	45/0/90	
KTTE0123H	Kế toán thuế	Tổng quan về thuế và kế toán thuế; Các loại thuế hiện hành ở Việt Nam, bao gồm thuế Xuất nhập khẩu, Tiêu thụ đặc biệt, Giá trị gia tăng, Thu nhập doanh nghiệp và Thu nhập cá nhân	45/0/90	
QTCL0523H	Quản trị chiến lược	Tổng quan về Quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Các loại chiến lược trong kinh doanh; Lựa chọn và thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh	45/0/90	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		chiến lược		
DMĐT0123L	Quản trị danh mục đầu tư	Học phần bao gồm 5 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị danh mục đầu tư như: khái niệm và phân loại danh mục đầu tư, các phương thức quản trị danh mục đầu tư, các chủ thể tham gia cung ứng dịch vụ quản trị danh mục đầu tư.	45/0/90	
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán, những hướng dẫn cụ thể quy trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính.	45/0/90	
NHPT0123L	Ngân hàng phát triển	Nội dung học phần đi sâu tìm hiểu các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng phát triển như huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để đảm bảo khả năng tài trợ các dự án phát triển có quy mô lớn đòi hỏi nguồn vốn dài hạn và có chi phí bình quân thấp. Nghiên cứu nội dung hoạt động tài trợ cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội cũng là một nội dung chủ yếu của học phần, trong đó đi sâu phân tích khía cạnh kinh tế, tài chính dự án mà ngân hàng cần đặc biệt quan tâm.	45/0/90	
2.4. Thực tập, làm khóa luận				
TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	Học phần này trang bị cho sinh viên kinh nghiệm nghiên cứu thực tế các hoạt động tại các tổ chức tín dụng, bộ phận tài chính, kế toán trong doanh nghiệp	0/180/0	
KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp theo nội dung và thời gian của Trường	0/270/0	
2.5. Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng lý thuyết về định giá	45/0/90	

TT/ Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
	ngành	trong hoạt động tài chính doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các phương pháp định giá doanh nghiệp ở mức độ nắm bắt các nội dung phương pháp và các công thức như phương pháp tài sản, phương pháp định giá cổ phiếu, trái phiếu, phương pháp sử dụng dòng tiền tự do đối với doanh nghiệp, dòng tiền tự do đối với vốn chủ sở hữu		
QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị dòng tiền của doanh nghiệp. Do đó, các nội dung tập trung vào các vấn đề cơ bản trong quản trị doanh nghiệp: khả năng chi trả của doanh nghiệp, khả năng dự báo dòng tiền, lập kế hoạch thu chi và lập kế hoạch dòng tiền, xây dựng mô hình ngân quỹ trong quản trị ngân quỹ và ứng dụng trong quản trị dòng tiền, xử lý ngân quỹ của doanh nghiệp	45/0/90	

2.3. Kế hoạch đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG	31								
	Các học phần bắt buộc	29								
1	Triết học Mác - Lênin	3		3						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2							
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2							
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2				
6	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
7	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
8	Tin học cơ bản 1	2	2							
9	Tin học cơ bản 2	2		2						
10	Toán cao cấp 1	2	2							
11	Toán cao cấp 2	2		2						

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
12	Lý thuyết xs và thống kê toán	3			3					
13	Pháp luật đại cương	2	2							
14	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	2	1						
15	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>	8	4	4						
	Các học phần tự chọn (chọn 1/4 HP)	2								
16	Soạn thảo văn bản	2			2					
17	Phương pháp luận NCKH	2								
18	Logic học	2								
19	Tâm lý học đại cương	2								
II	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP	90								
II.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12								
20	Kinh tế vi mô	3	3							
21	Kinh tế vĩ mô	3		3						
22	Nguyên lý thống kê	2			2					
23	Luật kinh tế	2		2						
24	Marketing căn bản	2			2					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	16								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	12								
25	Tài chính - Tiền tệ	2			2					
26	Nguyên lý kế toán 1	2	2							
27	Nhập môn ngân hàng thương mại	3			3					
28	Thị trường tài chính	3					3			
29	Kinh tế quốc tế	2					2			
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)</i>	4								
30	Kinh tế lượng	2				4				
31	Văn hóa doanh nghiệp	2								
32	Kỹ năng giao tiếp	2								
33	Kiểm soát nội bộ	2								
II.3	Kiến thức ngành	52								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	46								
34	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3				3				
35	Kế toán tài chính 1	3				3				
36	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	3					3			
37	Tài chính quốc tế	3					3			
38	Quản trị ngân hàng thương mại	3						3		
39	Tiếng Anh chuyên ngành TC-NH	3				3				
40	Phân tích báo cáo tài chính	3						3		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
41	Quản trị tài chính DN nâng cao	3					3			
42	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	2						2		
43	Phân tích đầu tư chứng khoán	2					2			
44	Ngân hàng TW và chính sách tiền tệ	2						2		
45	Thực hành Tài chính – Ngân hàng	3						3		
46	Kế toán ngân hàng	2						2		
47	Quản trị rủi ro tài chính	3							3	
48	Quản lý ngân hàng điện tử	2							2	
49	Kế toán quản trị	3							3	
50	Kế toán tài chính 2	3							3	
	Học phần lựa chọn	6								
	<i>Chọn 2 trong 6</i>									
51	Tài chính cá nhân	3							6	
52	Kế toán thuế	3								
53	Quản trị chiến lược	3								
54	Quản trị danh mục đầu tư	3								
55	Kiểm toán căn bản	3								
56	Ngân hàng phát triển	3								
II.4	Thực tập, làm khóa luận	10								
57	Thực tập cuối khóa	4								4
58	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
II.5	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6								
59	Định giá tài chính doanh nghiệp	3								3
60	Quản trị dòng tiền	3								3
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	121	17	15	16	15	16	15	17	10

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	17		
1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2		
2	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
3	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
4	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
5	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
6	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
7	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
8	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	2		
9		Giáo dục thể chất	2		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
9		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	17		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3		
2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
3	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		
4	TCC21122L	Toán cao cấp 2	2		
5	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	3		
6	LKTE1022H	Luật kinh tế	2		
7		Giáo dục quốc phòng	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
8		Giáo dục thể chất	1		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	15		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	2	TCC11122L, TCC21122L	
4	MARC0522H	Marketing căn bản	2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
5	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	2		
6	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	3		
		Học phần tự chọn	2		
7	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		
8	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		
9	LOGI0722L	Logic học	2		
10	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	11		
1	CNXH0722H	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2		
2	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3		
3	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	3	NLK10122H	
4	TANH0623L	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	3		
		Học phần tự chọn	4		
5	KTLU1122H	Kinh tế lượng	2	ViMO0523H ViMO0523H TCB21222H TCC21122L XSTK1123L	Chọn 4/8 TC
6	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	2		
7	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2		
8	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	2		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1	TTTC0123L	Thị trường tài chính	3		
2	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	2		
3	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị HCSN	3	TCTT0122H NLK10122H	
4	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	3	TCTT0122H	
5	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	TCDN0123H	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
6	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	2	TCTT0122H TTTC0123L	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	16		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1	QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	3	NMNH0123L TCQT0123L	
2	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	3		
3	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	2	TCTT0122H	
4	NHTW0122L	Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ	2	TCTT0122H	
5	THTC0123L	Thực hành Tài chính – Ngân hàng	3	TDN20123L PTTC0123H	
6	KTNH0122L	Kế toán Ngân hàng	2	NMNH0123L	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	11		
1	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	3	TCDN0123H TCTT0122H NMNH0123L	
2	QLNH0122L	Quản lý ngân hàng điện tử	2	QTNH0123L	
3	KTQT0123H	Kế toán quản trị	3	NLK10122H	
4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	3	KTC10123H	
		Học phần tự chọn	6		
4	TCCN0123L	Tài chính cá nhân	3	TCDN0123H	Chọn 6/18 TC
5	KTTE0123H	Kế toán thuế	3		
6	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	3	ViMO0523H	
7	DMĐT0123L	Quản trị danh mục đầu tư	3	TCDN0123H	
8	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	3		
9	NHPT0123L	Ngân hàng phát triển	3	TCTT0122H NMNH0123L	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	4	QTNH0123L TDN20123L	
2	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	6	TTTC0224T	
	Học phần thay thế khóa luận				
3	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	3	TDN20123L	
4	QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	3		
		Tổng cộng	10		

Về kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành (tại Quyết định số 223/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018)

Về việc tổ chức đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng (khi được Bộ giáo dục và Đào tạo cho phép), Trường Đại học Lao động - Xã hội đã giao cho Khoa Kế toán là đơn vị quản lý chuyên trách, đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng. Đồng thời, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động - Xã hội theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội.

Về việc tuân thủ các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học, trong thời hạn 3 năm, tính đến ngày đề nghị mở ngành, Trường Đại học Lao động - Xã hội không vi phạm các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Đề án đăng ký mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng, các thông tin về 3 công khai, chuẩn đầu ra và các quy định liên quan về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Lao động - Xã hội được đăng trên website của trường có địa chỉ là: <http://ulsa.edu.vn>.

2. Căn cứ vào năng lực thực tế của Trường và nhu cầu của thị trường lao động; căn cứ định hướng chỉ đạo của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; Trường đại học Lao động - Xã hội kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ đại học từ năm học 2020 - 2021.

3. Nếu được phê duyệt, Trường đại học Lao động - Xã hội cam kết sẽ tổ chức đào tạo ngành Tài chính- Ngân hàng trình độ đại học theo đúng đề án đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KH &HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng